ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5021/QĐ-UBND	*Tân Phú, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Nguyễn Du (giai đoạn 2)
Địa điểm xây dựng: Xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 60/2016/QD-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 10809/UBND-KTNS ngày 15/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND huyện Tân Phú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Du;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 1539/UBND-KT ngày 26/7/2018 của UBND huyện Tân Phú về việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng dự án Trường Tiểu học Nguyễn Du, xã Phú Sơn.

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 79/TTr-TCKH ngày 25/10/2019 và Văn bản số 472/KT&HT ngày 17/10/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Nguyễn Du (giai đoạn 2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Tiểu học Nguyễn Du (giai đoạn 2) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trường Tiểu học Nguyễn Du (giai đoạn 2).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm thực hiện chủ trương kiên cố hóa trường lớp, đáp ứng được nhu cầu học tập, sinh hoạt và giảng dạy của giáo viên và học sinh.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng Khối lớp học 12 phòng với diện tích xây dựng khoảng 550.0 m^2, 03 tầng. Các hạng mục phụ và hạ tầng kỹ thuật: Nhà bảo vệ, Nhà xe giáo viên, Nhà xe học sinh, Cổng, tường rào, bảng hiệu phía trước công trình, Cột cờ, Sân đường giao thông nội bộ, sân trường lát gạch terrazzo, Cây xanh, thảm cỏ, Hệ thống điện, PCCC + báo cháy tự động, cấp thoát nước. Các hạng mục công trình khác và các trang thiết bị.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng Kiến Biên.

6. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Nguyễn Phúc Hậu.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

8. Diện tích sử dụng đất: Trong khuôn viên khu đất Trường Tiểu học Nguyễn Du.

9. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 01 bước.

11. Phương án xây dựng (thiết kế bản vẽ thi công):

11.1 Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a/ Khối lớp học 12 phòng

- Quy mô: 03 tầng. Cấp công trình: cấp III

- DTXD: 550.0 m^2 - DTSXD: 1604.0 m^2

- Gồm: 12 Phòng học lý thuyết 47.52m^2; phòng multimedia 67.8m^2; phòng học vi tính 67.8m^2; phòng nghỉ giáo viên 21m^2 bố trí theo tầng phòng học; khu vệ sinh, sảnh hành lang, cầu thang.

- Hạng mục có kết cấu móng cột, khung dầm, sàn BTCT chịu lực đổ tại chỗ; Toàn bộ cấu kiện gạch xây bằng gạch không nung loại gạch ống 8x8x18, gạch đinh 4x8x18; Tường sơn nước kết hợp ốp gạch trang trí;

- Nền lát gạch granite nhân tạo 400x400, len chân tường toàn bộ khu vực hành lang và trong phòng gạch granite nhân tạo 400x130; Bậc tam cấp, cầu thang lát đá granite tự nhiên, lan can tay vịn inox; Ram dốc khuyết tật lát gạch terrazo 400x400; Nền vệ sinh lát gạch chống trơn 250x250, tường dán gạch cêramic 250x400 cao khoảng 2.0m;

- Tất cả các cửa đi, cửa sổ làm bằng khung sắt tráng kẽm sơn dầu hoàn thiện và sơn lót chuyên dụng, kính trắng dày 5 ly. Riêng cửa khu vệ sinh bằng khung nhôm kính;

- Mái bằng bê tông cốt thép trên lợp tole sóng vuông mạ màu dày 0.45mm, xà gồ sắt hộp tráng kẽm gác lên tường thu hồi, tường thu hồi trong mái xây gạch không tô;

- Trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt trần, hệ thống điện nước, PCCC và báo cháy tự động. Đầu tư thiết bị hoàn chỉnh cho công trình;

- Thiết bị vệ sinh bền, đẹp và được lắp đặt phù hợp với lứa tuổi.

b/ Các hạng mục phụ và hạ tầng kỹ thuật:

b.1. Nhà bảo vệ:

- Quy mô: 01 tầng. Cấp công trình: cấp III

- DTXD: 10.2 m^2 - DTSXD: 10.2 m^2

- Hạng mục có kết cấu móng cột, khung dầm, sàn BTCT chịu lực đổ tại chỗ; Toàn bộ cấu kiện gạch xây bằng gạch không nung loại gạch ống 8x8x18, gạch đinh 4x8x18; Tường sơn nước kết hợp ốp gạch trang trí;

- Nền lát gạch granite nhân tạo 400x400, len chân tường gạch granite nhân tạo 400x130; Bậc tam cấp lát đá granite tự nhiên;

- Tất cả các cửa đi, cửa sổ làm bằng khung sắt tráng kẽm sơn dầu hoàn thiện và sơn lót chuyên dụng, kính trắng dày 5 ly. Riêng cửa khu vệ sinh bằng khung nhôm kính.

- Mái bằng bê tông cốt thép trên lợp ngói màu 21 viên/m^2.

- Đầu tư thiết bị hoàn chỉnh cho công trình.

b.2. Nhà xe giáo viên:

- Xây mới nhà xe giáo viên diện tích khoảng 86.4m^2, bằng khung sắt, mái lợp tole sóng vuông mạ màu.

b.3. Nhà xe học sinh:

- Xây mới nhà xe học sinh diện tích khoảng 172.8m^2, bằng khung sắt, mái lợp tole sóng vuông mạ màu.

b.4. Cổng, tường rào, bảng hiệu phía trước công trình: chiều dài L= 279.2m.

- Cổng chính: Cổng chính bằng sắt sơn dầu có bánh xe trượt trên đường ray thép, cổng chính tiếp giáp đường bê tông phía trước công trình.

- Bảng hiệu: Xây gạch, ốp đá granite, chữ inox.

- Hàng rào thoáng loại 1: đoạn tường rào tiếp giáp đường bê tông phía trước công trình có chiều dài 74.6m. Có kết cấu móng, trụ, dầm giằng bằng BTCT, chân tường xây gạch không nung, phía trên xây ô thoáng bằng gạch bông gió xi măng trang trí, có chông sắt bảo vệ. Sơn nước hoàn thiện.

- Hàng rào kín xây gạch loại 2: Các mặt còn lại (phần tiếp giáp tường rào mầm non Phú Sơn không xây tường rào). Tổng chiều dài khoảng 188.1m. Hàng

rào có kết cấu móng, trụ, dầm giằng bằng BTCT. Tường xây gạch không nung, có chông sắt bảo vệ. Sơn nước hoàn thiện.

b.5. Cột cờ:

- Xây mới cột cờ inox, đặt trên bệ xây gạch, mặt bệ lát đá granite.

b.6. Sân đường giao thông nội bộ, sân trường lát gạch terrazzo:

- Sân đường giao thông nội bộ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 100 có diện tích khoảng 1957.0m^2;

- Sân trường lát gạch terrazzo 400x400, có diện tích khoảng 1705.2m^2;

- Sân thể dục thể thao (18m x 28m) bê tông đá 1x2 mac 200 dày 100, có diện tích khoảng 504m^2;

b.7. Cây xanh, thảm cỏ:

- Tổng diện tích khoảng 2200.0m^2, trồng cỏ đậu phộng. Cây xanh gồm một số loại cây: phượng vĩ, bằng lăng, bọ cạp nước, cây dầu, cây sao đen, cây cau trắng, thiên tuế,...

b.8. Hệ thống điện, PCCC + báo cháy tự động, cấp thoát nước:

- Đầu tư mới hoàn thiện kết nối với hệ thống hiện hữu.

b.9. Thiết bị:

- Đầu tư mới trang thiết bị đáp ứng nhu cầu cho các khối công trình xây mới.

11.2. Các giải pháp kỹ thuật xây dựng:

a. Kết cấu chịu lực chính của công trình:

- Giải pháp kết cấu chính thiết kế cho các hạng mục công trình là hệ khung dầm sàn bê tông cốt thép toàn khối. Giải pháp nền móng là sử dụng móng nông trên nền đất tự nhiên có cấp độ bền chịu nén là B15 (M200). Kết cấu cột, đà, sàn, sê nô bằng BTCT có cấp độ bền chịu nén B15(M200), Rn=90kg/cm2, Rk=7.5kg/cm2.

- Thép <D10 dùng thép AI, Rs=2300kg/cm2. Thép >=D10 dùng thép AII, Rs=2300kg/cm2

(Xem chi tiết Phần Thuyết minh kết cấu)

b. Sự nối kết hạ tầng kỹ thuật bên ngoài:

- Cấp điện, thông tin liên lạc: Nguồn cấp cho công trình đấu nối từ lưới điện trung thế của địa phương, trụ điện trung thế nằm phía trước công trình trên Quốc lộ 20 kết nối đến trạm biến áp lắp đặt mới của công trình.

- Cấp nước: Hệ thống cấp nước cho công trình trước mắt lấy từ nguồn nước giếng khoan và bể nước ngầm hiện hữu.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa của công trình được thu gom vào hệ thống mương cống xung quanh nhà rồi dẫn ra phía trước công trình đấu nối vào tuyến mương cống thoát nước chung trên quốc lộ 20. Riêng thoát nước thải sinh hoạt thoát vào hầm tự hoại sau đó được đưa vào hệ thống thoát nước chung.

c. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

c.1. Hệ thống cấp điện

* Hệ thống cấp điện: chia ra làm 2 hệ thống

Hệ thống chiếu sáng:

- Dùng đèn bóng LED có máng tán quang treo trần chiếu sáng cho các phòng học và có độ rọi phù hợp tùy theo chức năng của từng phòng.

- Các đèn chiếu sáng sự cố, thoát hiểm được bố trí tại các nơi cửa ra vào, trong phòng làm việc, hành lang trường học để đề phòng khi mất điện và hỏa hoạn.

- Dùng đèn dĩa gắn áp bóng LED 12W để chiếu sáng lối đi cầu thang. Bóng LED 1,2m không có chao chụp chiếu sáng trong phòng WC.

- Chiếu sáng ngoài trời dùng đèn LED 150W có cần gắn bóng đèn được lắp đặt trên trụ đèn cao 6m .

- Độ rọi các hạng mục thiết kế đạt được như sau:

+ Trong phòng học sử dụng đèn LED 1.2m đôi có máng tán quang, lắp đặt thả cách trần 500mm: độ rọi yêu cầu 300 Lux, độ rọi thiết kế 350 Lux.

+ Trong phòng làm việc sử dụng đèn LED T8-36W-1.2m, có quang thông là 3200 Lumen, lắp đặt sát trần: độ rọi yêu cầu 300 Lux, độ rọi thiết kế 350 Lux.

Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ trạm biến áp trong khuôn viên của nhà trường qua đồng hồ đo đếm điện vào tủ điện tổng được đặt trong nhà bảo vệ (phần cấp nguồn phía trước đồng hồ do điện lực thiết kế và thi công)

Nguồn điện từ tủ điện tổng MSB cấp đến các tủ phân phối của các hạng mục. Dây nguồn cấp điện cho các tủ điện này sử dụng cáp điện XLPE/PVC đi ngầm dưới đường chôn sâu cách mặt đất 0.8m.

- Nhánh 1: Tủ điện DB1 đặt tại tầng trệt khối nhà hiệu bộ có công suất tổng P= 13.68KW(khối nhà hiện hữu- thi công giai đoạn 1)

- Nhánh 2: Tủ điện DB2 đặt tại tầng trệt khối lớp học có công suất tổng P= 21.49KW (khối nhà hiện hữu - thi công giai đoạn 1)

- Nhánh 3: Tủ điện DB5 đặt tại tầng trệt khối lớp học 12 phòng có công suất tổng P= 23.45KW (khối nhà xây dựng mới)

- Nhánh 4: Tủ điện DB-G đặt tại nhà bảo vệ có công suất tổng P= 5.62KW (khối nhà xây dựng mới)

- Nhánh 4: Tủ điện DB-PCCC đặt tại bể nước ngầm công suất tổng P= 25KW (tủ PCCC hiện hữu - thi công giai đoạn 1)

- Nguồn điện từ các tủ phân phối này cấp cho hệ thống chiếu sáng, quạt trần, ổ cắm điện và hệ thống lạnh. Các tủ điện này lắp đặt các MCCB và MCB, riêng các phòng học trẻ em có lắp đặt thêm RCB bảo vệ dòng rò.

Qui cách lắp đặt và chủng loại vật tư:

- Công tắc lắp đặt cách sàn 1.5m, ổ cắm lắp đặt cách sàn 0.3m, riêng trong các phòng học ổ cắm lắp đặt cách sàn 1.5m.

- Tất cả các thiết bị thuộc hệ thống chiếu sáng, tủ điện kiểu đèn, áp tô mát, …. được lựa chọn phù hợp với điều kiện môi trường các khu vực lắp đặt. Ap tô mát sử dụng loại ngoại nhập; Đèn sử dụng loại đèn Việt Nam và liên danh, công tắc và ổ cắm sử dụng loại ngoại nhập.

- Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa xoắn đi âm tường, chôn ngầm dưới sàn bê tông và đi trên trần giả.

- Các điểm đấu dây phải thực hiện trong hộp box nối.

- Hệ thống dây dẫn điện trong nhà sử dụng hệ thống dây dẫn 3 pha 5 dây kiểu nối đất TN – S, có điện trở nối đất nhỏ hơn 4 Omh. Tất cả các vỏ kim loại tủ, thiết bị phải được nối vào hệ thống nối đất này.

- Phải đặt ống luồn dây điện âm tường và sàn trước, khi xây dựng thi công xong mới kéo rải dây điện.

- Dây điện ra ổ cắm phải từ 2.5mm2 trở lên, dây điện ra đèn phải từ 1.5mm2 trở lên .

c.2. Hệ thống chống sét bán kính bảo vệ 70m (đã được thi công tại giai đoạn 1).

c.3. Hệ thống cấp – thoát nước

Hiện tại nhà trường đã có giếng khoan và bể nước ngầm 120m^3 phục vụ cho nhu cầu cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy cho cả 3 giai đoạn.

* Hệ thống cấp nước:

- Nước cấp cho khối lớp học được lấy từ mạng lưới cấp nước toàn khu của công trình .

- Sử dụng 1 máy bơm lắp đặt ở bể nước ngầm có lưu lượng Q= 9m3/h, H=40m để bơm lên bồn nước có W=1m3 và W=2m3, các bồn nước này đặt trên mái nhà các khối, sử dụng van phao cơ và điện để điều khiển máy bơm nước.

- Nước từ bồn dự trữ này cấp cho các WC ở các khối phòng học và khối nhà làm việc của trường

- Đường ống nước chính sử dụng ống HDPE ϕ40 đi ngầm dưới nền đường và phía sau khối lớp học đi dưới mương chôn ống sâu trung bình 0.8m.

- Các ống nước cấp cục bộ trong các khối sử dụng uPVC loại dày.

- Các thiết bị vệ sinh và vòi rửa được cấp nước sử dụng từ đài nước này, ống nhánh cấp nước cho từng thiết bị vệ sinh là ϕ27.

- Đường ống cấp nước sử dụng ống uPVC Bình Minh loại dày.

- Bố trí các van khóa ở mỗi phòng WC và trên bồn nước trên mái để tiện sử dụng và bảo trì.

- Đường ống cấp nước đi ngầm dưới nền tầng trệt, đi âm tường, còn các ống đứng đi trong hộp gain kỹ thuật.

* Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước chia ra làm 2 hệ thống:

* Hệ thống thoát nước mưa:

- Toàn bộ nước mưa từ mái nhà được thoát theo ống thoát nước mưa ϕ90 đổ vào hố ga thoát nước nội bộ xung quanh nhà rồi tập trung thoát ra mương, cống thoát nước chung của khu vực.

- Tại ban công tầng lầu bố trí các phễu thu sàn thu nước mưa, đường ống thu nước các phễu này nối vào ống thoát nước mưa.

- Phía sau khối lớp học dùng mương B300 làm hệ thống thoát nước mưa.

- Cống thoát nước mưa đặt dưới đường sử dụng cống BTCT ϕ300, ϕ500 (xem tiêu chuẩn kỹ thuật cống Hùng Vương).

- Sử dụng loại hố ga có miệng thu nước mặt và hố ga dale có lổ thu nước mặt.

* Hệ thống thoát nước sinh hoạt:

- Nước rửa từ các phễu thu sàn, chậu rửa được thu vào ống thoát nước ra mương thoát nước chung.

- Phân từ các xí và nước tiểu từ các bồn tiểu được thu vào ống thoát phân riêng, cho thoát vào ngăn chứa của bể tự hoại, nước sau khi đi qua các ngăn chứa, lắng lọc và hố ga của bể tự hoại được thoát ra hệ thống thoát nước thải của công trình.

- Ống thoát phân sử dụng ống uPVC þ114 và ống thoát nước þ42 sử dụng cho chậu rửa, þ90 sử dụng cho phễu thu sàn, ống đứng thoát nước nhỏ nhất þ90, độ dốc đường ống tối thiểu i >= 0.02.

- Bố trí các ống đứng thông hơi cho hầm phân þ60, ống thoát phân là Þ60, ống thoát nước sinh hoạt là þ42 và được đưa lên khỏi mái cao 0.5m.

- Tại các tầng cách sàn 1m có đặt các ống kiểm tra để dễ bảo trì và sửa chữa khi có sự cố nghẹt ống.

- Toàn bộ ống thoát nước thải sinh hoạt sử dụng ống uPVC Bình Minh loại dày được đi âm dưới nền, đi âm trong tường, trong trần WC và ống đứng đi trong hộp gain kỹ thuật.

* Thiết bị vệ sinh:

- Lựa chọn thiết bị vệ sinh và giải pháp thiết kế phải phù hợp với nhu cầu công năng từng phòng. Chiều cao lắp đặt các thiết bị vệ sinh đảm bảo theo quy định trong tiêu chuẩn TCVN 8793:2011

- Vòi rửa, van khóa sử dụng bằng đồng mạ Crôm.

c.4. Hệ thống PCCC

* Đường ống cấp nước chữa cháy và các loại van (Fire warter pipe):

- Đường ống chính cấp nước chữa cháy dược thiết kế theo mạch vòng khép kín để cân bằng áp lực và đang được để chờ đấu nối vào hệ thống cấp nước PCCC toàn khu, sử dụng ống STK ϕ114 và ϕ76.

- Các đường ống đi ra từng hộp họng chữa cháy là STK ϕ60.

- Để hệ thống ống cấp nước chữa cháy hoạt động tốt trong môi trường cháy – nổ, hệ thống ống cấp nước sử dụng loại ống sắt tráng kẽm, phải đạt tiêu

chuẩn Anh Quốc (BS 1387) được đặt ngầm dưới đất, nối với nhau bằng công nghệ hàn.

* Hộp chữa cháy (Fire hosereels):

- Hộp chữa cháy làm bằng sắt, được sơn tĩnh điện màu đỏ, có kích thước

- 650x450x220, phía trước có cửa kính dày 5 mm. Được bố trí tại khu vực sảnh, cột nơi dễ thấy, dễ sử dụng (Điều 10.19 TCVN 2622-95).

- Tâm họng chữa cháy phải đặt ở độ cao 1.25m so với mặt sàn

- Van chữa cháy là loại van gạt ϕ60, khi cần mở chỉ cần nắm tay gạt.

- Khớp nối giữa van chữa cháy với vòi chữa cháy dùng ngàm B làm bằng nhôm có đường kính ϕ60 (Tiêu chuẩn PCCC). Yêu cầu phải tháo lắp nhanh và kín nước.

- Vòi chữa cháy là loại vòi bạt, mềm, thời gian sử dụng 2 năm, chịu được áp lực 6kg/cm2. Chiều dài mỗi cuộn là 30m (Điều 10.20 TCVN 2622 : 1995).

- Lăng phun là loại lăng B có đường kính đầu phun là 13mm (Tiêu chuẩn PCCC), nối với vòi chữa cháy thông qua đầu ngàm B. Loại lăng này làm bằng nhôm và có chỗ cầm chắc chắn.

- Qui cách: Ngàm A (TCVN)

* Cách sử dụng:

- Khi có cháy phải thực hiện tuần tự như sau:

+ Rải vòi từ hộp chữa cháy gần nhất hướng đến đám cháy, gắn lăng phun và hướng đến đám cháy mở van chữa cháy hệ thống.

- Khi chữa cháy xong:

+ Ngắt bơm chữa cháy.

+ Thu dọn và phơi vòi thật khô.

+ Đưa về vị trí sẵn sàng chữa cháy như ban đầu.

Ngoài ra còn có trang bị thêm một số thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy CO_2 T5, bột ABC F8. Được đặt tại các nơi dễ thấy, dễ sử dụng (xem bản vẽ).

* Hệ thống báo cháy tự động:

Hệ thống báo cháy tự động gồm:

- Trung tâm xử lý tín hiệu (Control Panel)

- Đầu báo khói (Smoke detector)

- Công tắc khẩn cấp (Emergency Buttion)

- Còi báo động (Electric Siren)

- Đèn báo động (Light Alarm)

- Toàn bộ các thiết bị điện tử này được hợp nhất thành một hệ thống hoàn chỉnh và được xử lý bởi trung tâm báo cháy. Hệ thống báo cháy tự động thường xuyên giám sát, phát hiện và báo động kịp thời khi có sự cố về cháy giúp chúng ta sớm có biện pháp xử lý thích ứng.

c.5. Hệ thống thông tin liên lạc

- Để đảm bảo các yêu cầu giao thông liên lạc. Trong phương án thiết kế và xây dựng cần có dự kiến bố trí các mạng lưới đường dây đi ngầm trong tường và trong sàn các hệ thống:

- Hệ thống điện thoại liên lạc với bên ngoài bố trí tại văn phòng quản lý

- Hệ thống vi tính nối mạng nội bộ và nối mạng với bên ngoài .

c.6. Hệ thống thông gió, điều hòa không khí

- Công trình được thiết kế chủ yếu là thông gió tự nhiên, đồng thời kết hợp quạt trần, quạt tường hay quạt đứng.

- Bố trí hệ thống máy lạnh cho phòng Multimedia và phòng vi tính.

- Áp dụng các biện pháp chống nóng cho công trình bằng các kết cấu che nắng (ô văng, hành lang, mái che, lam che nắng).

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không thực hiện.

13. Tổng mức đầu tư : 14.995.476.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	10.774.924.000	đồng
- Chi phí thiết bị	:	1.749.508.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	288.298.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	966.248.000	đồng
- Chi phí khác	:	323.921.000	đồng
- Chi phí dự phòng	:	892.577.000	đồng

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

17. Các vấn đề cần lưu ý khác:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập định mức hoặc vận dụng định mức của công trình tương tự đã được duyệt để xác định đơn giá xây dựng công trình cho phù hợp. Trường hợp sử dụng định mức mới để lập đơn giá cho gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu thì Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi áp dụng. Đối với các vật tư, thiết bị không có trong thông báo giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, Chủ đầu tư phải xác định giá vật tư theo đúng quy định về quản lý chi phí để xác định dự toán gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Tổ chức thực hiện thẩm định giá Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 17/10/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai. Trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện thẩm định, Chủ đầu tư phải tổ chức xác định giá thiết bị theo đúng quy định về quản lý chi phí để xác định dự toán gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đối với các gói thầu đã thực hiện, Chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật lại giá trị dự toán chi phí của các gói thầu đã thực hiện cho phù hợp với quy định tương ứng với thời điểm thực hiện gói thầu.

- Dự toán xây dựng công trình là cơ sở để đăng ký vốn, không dùng để thanh toán quyết toán. Sau khi có Thông tư hoặc văn bản hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư phải tổ chức điều chỉnh, trình thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh mới được triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- Sử dụng phần dự phòng phí đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng chi phí dự phòng.

- Chủ đầu tư chỉ được phép triển khai xây dựng công trình sau khi đã hoàn thành các thủ tục về xây dựng và các thủ tục khác có liên quan theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong các hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Báo cáo kết quả thẩm tra và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, Chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND xã Phú Sơn; Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Du; Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện (Chủ đầu tư) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TH (Khối KT).

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nghị